

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

- Biết được vai trò và đặc điểm của ngành chăn nuôi.
- Hiểu được tình hình phân bố các ngành chăn nuôi quan trọng trên thế giới, lí giải được nguyên nhân phát triển.
- Biết được vai trò và xu hướng phát triển của ngành nuôi trồng thủy sản.

2. Về kĩ năng

- Xác định được trên bản đồ thế giới những vùng và quốc gia chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản chủ yếu.
- Xây dựng và phân tích biểu đồ, lược đồ về đặc điểm của chăn nuôi và địa lí các ngành chăn nuôi.

3. Về thái độ, hành vi

- Nhận thức được lí do ngành chăn nuôi ở Việt Nam và địa phương còn mất cân đối với trồng trọt.
- Ủng hộ chủ trương, chính sách phát triển chăn nuôi của Đảng và Nhà nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Hình 29.3 trong SGK (phóng to).
- Biểu đồ thể hiện số lượng gia súc, gia cầm.
- Các sơ đồ về đặc điểm và địa lí các ngành chăn nuôi.
- Các hình ảnh, băng hình, đĩa CD về cảnh chăn nuôi, các hình thức chăn nuôi...

III. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Những kiến thức trọng tâm

– Ngành chăn nuôi có vai trò quan trọng trong việc cung cấp thực phẩm bổ dưỡng cho con người, nguyên liệu cho công nghiệp và tạo ra nền nông nghiệp bền vững.

– Cơ sở thức ăn là nhân tố quan trọng đối với phát triển và phân bố chăn nuôi.

– Hình thức chăn nuôi đã có nhiều thay đổi nhờ tiến bộ khoa học– kỹ thuật.

– Địa lí phân bố các vật nuôi chủ yếu :

+ Bò : ở vùng đồng cỏ tươi tốt.

+ Trâu : ở vùng đồng cỏ nhiệt đới ẩm.

+ Lợn : vật nuôi ở vùng lương thực thâm canh.

+ Cừu, dê : ở vùng đồng cỏ khô cằn.

+ Gia cầm : vật nuôi của các khu đông dân cư.

– Các khu vực nuôi trồng thủy sản chủ yếu trên thế giới.

1.1. Vai trò và đặc điểm của ngành chăn nuôi

a) Khi trình bày về vai trò của ngành chăn nuôi, GV hướng HS vào hai khía cạnh :

– Thứ nhất, đối với đời sống con người, chăn nuôi cung cấp nguồn thực phẩm bổ dưỡng, đậm động vật (thịt, trứng, sữa), bảo đảm sự cân đối trong khẩu phần ăn. Hiện tượng thiếu đạm, đói đạm phổ biến ở các nước đang phát triển, nhất là ở trẻ em. Mức tiêu thụ lương thực – thực phẩm bình quân đầu người hàng ngày (quy ra calo/người/ngày) ở các nước phát triển cao gấp 1,5 lần các nước đang phát triển. Mức trung bình toàn thế giới là 2700 calo/người/ngày, các nước phát triển là 3500 calo/người/ngày, các nước đang phát triển 2600 calo/người/ngày, các nước chậm phát triển 2100 calo/người/ngày. Hiện nay, trên toàn thế giới có 24% trẻ em dưới 5 tuổi thiếu cân, tập trung ở các nước đang phát triển, nơi có dân số tăng nhanh, sản xuất nông nghiệp không ổn định, chăn nuôi hạn chế. Ở nước ta, khẩu phần lương thực – thực phẩm mới đạt 2300 calo/người/ngày, còn 21,7% trẻ sơ sinh và 40% trẻ em từ 0 – 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, nguyên nhân quan trọng là do đói đạm.

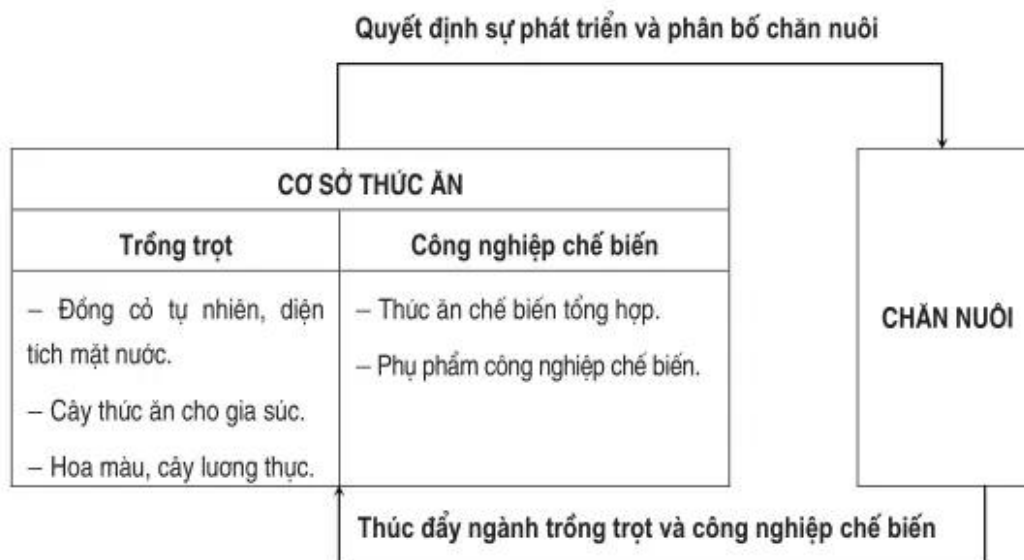
– Thứ hai, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và là mặt hàng xuất khẩu có giá trị. Mặc dù con người đã sản xuất và sử dụng rộng rãi tơ, sợi nhân tạo và tổng hợp, len, dạ nhân tạo, nhưng

các sản phẩm tự nhiên có nhiều ưu điểm mà các vật liệu nhân tạo và tổng hợp không có được.

b) Về đặc điểm của ngành chăn nuôi

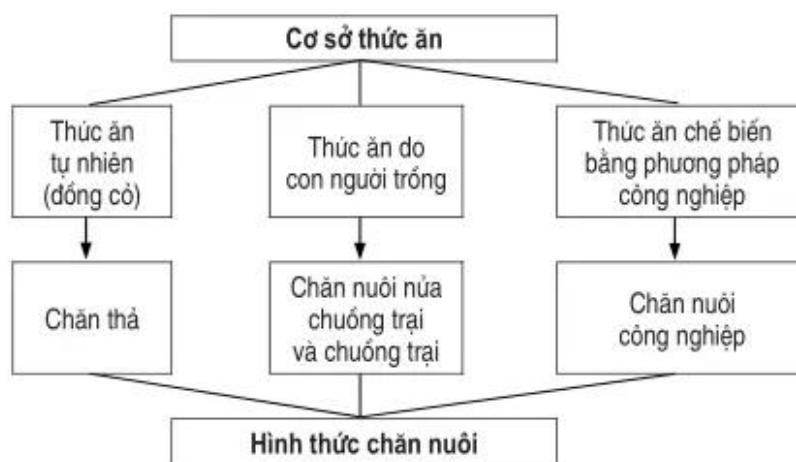
GV chú ý tới mối quan hệ giữa trồng trọt với chăn nuôi, giữa ngành công nghiệp với chăn nuôi.

GV có thể lập sơ đồ, rồi đặt câu hỏi cho HS nhìn vào sơ đồ để phân tích vai trò của cơ sở thức ăn đó đối với sự phát triển của ngành chăn nuôi.



- Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi và hình thức chăn nuôi đã có những thay đổi tiến bộ nhờ những thành tựu khoa học - kĩ thuật.

GV lập sơ đồ mối quan hệ giữa nguồn thức ăn với các hình thức chăn nuôi.



Từ sơ đồ này, GV cho HS trả lời câu hỏi ở giữa bài.

– Sự khác nhau về mặt chất lượng của cơ sở thức ăn được phản ánh rõ nét trong cơ cấu vật nuôi và phương hướng phát triển chăn nuôi.

Ví dụ : Mông Cổ và các quốc gia Tây Á có đồng cỏ khô cần do điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, không những không thuận lợi cho trồng trọt, mà trong cơ cấu đàn gia súc chủ yếu là cừu, dê, ngựa, lạc đà. Hoặc vùng đồng bằng sông Hồng, vựa lúa lớn thứ hai cả nước chủ yếu chăn nuôi lợn và gia cầm.

1.2. Các ngành chăn nuôi

– Trước khi trình bày các ngành chăn nuôi GV nên giới thiệu cơ cấu ngành chăn nuôi bao gồm chăn nuôi gia súc lớn (trâu, bò) ; gia súc nhỏ (lợn, cừu, dê) và chăn nuôi gia cầm.

– GV có thể xây dựng một bảng kiến thức, cho HS nghiên cứu SGK, kết hợp với lược đồ phân bố đàn gia súc để trình bày địa lí các ngành chăn nuôi chủ yếu.

	Chăn nuôi trâu, bò	Chăn nuôi lợn	Chăn nuôi cừu dê	Chăn nuôi gia cầm
Vai trò				
Đặc điểm				
Phân bố				

a) Đối với chăn nuôi bò

GV nên giải thích khái niệm "băng chuyền địa lí" ở một số nước phát triển như Tây Âu, Hoa Kỳ, kết hợp với ảnh minh họa trong SGK. Bò thịt được nuôi chăn thả trên các đồng cỏ tươi tốt. Trước khi đưa vào lò mổ, bò được chuyển về nuôi vỗ béo trong các chuồng trại ở gần thành phố với thức ăn chế biến tổng hợp.

GV phân biệt sự khác nhau về yêu cầu thức ăn và đặc điểm phân bố giữa chăn nuôi bò thịt và bò sữa. Thức ăn cho bò sữa cần có chất dinh dưỡng cao hơn, tỉ lệ các thức ăn mọng nước nhiều hơn. Bò sữa được nuôi chủ yếu trong các chuồng trại ở vùng đồng bằng hay ngoại ô các thành phố lớn.

b) Đối với chăn nuôi cừu

GV có thể nêu câu hỏi tại sao cừu được nuôi chăn thả trên đồng cỏ chỉ vào mùa hè, còn mùa đông phải ăn cỏ khô. Bằng những đoạn băng hình (có thể liên hệ tới các phim trình chiếu trên VTV), GV chỉ ra do cừu được nuôi chủ yếu ở các vùng khô hạn, hoang mạc và nửa hoang mạc, cỏ chỉ mọc tươi tốt trên một thời gian ngắn vào mùa xuân, đầu mùa hè, còn suốt mùa hè, sang mùa thu, đồng cỏ khô cần.

Người ta phải dự trữ thức ăn (cỏ khô), nước uống, nơi trú cho người và cừu. Những khó khăn này đã buộc người ta phải thịt phần lớn đàn cừu vào mùa thu.

c) Kết hợp SGK với lược đồ, GV đưa ra các nhận xét về các quốc gia có đàn gia súc lớn. Một vài số liệu về chăn nuôi năm 2005 để GV tham khảo :

NHỮNG QUỐC GIA HÀNG ĐẦU VỀ ĐÀN GIA SÚC,
NĂM 2005 (TRIỆU CON)

Tên nước	Đàn bò*	Đàn lợn*	Đàn cừu*
Toàn thế giới	1344	1072,6	1052,7
Ấn Độ	192,0 (1)	14,3 (10)	62,5 (3)
Bra-xin	185,0 (2)	33,0 (3)	
Trung Quốc	115,2 (3)	489 (1)	171,0 (1)
Hoa Kỳ	95,8 (4)	60,6 (2)	
Ac-hen-ti-na	50,8 (5)		
Xu Đàng	38,5 (6)		48,0 (5)
Ê-ti-ô-pi	38,3 (7)		
Mê-hi-cô	31,5 (8)	14,6 (9)	
LB Nga	23,0 (9)	13,4 (11)	
Cô-lôm-bi-a	25,0 (10)		
Việt Nam	5,3 (43)	27,0 (4)	
CHLB Đức		26,2 (5)	
Tây Ban Nha		25,0 (6)	
Ba Lan		18,1 (7)	
Pháp		15,0 (8)	
Ô-xtrây-li-a	27,9 (9)		106,0 (2)
I-ran			54,0 (4)
Niu Di-lân			40,0 (6)
Anh			35,2 (7)
Thổ Nhĩ Kỳ			25,2 (9)
CH Nam Phi			25,3 (8)
Pa-kit-xtan	24,2		25,0 (10)

* Số trong ngoặc là thứ tự xếp hạng thế giới

– GV tổng kết lại các vùng chăn nuôi chính :

+ Bò : Ấn Độ, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Bra-xin, Ac-hen-ti-na.

- + Trâu : Trung Quốc, Ấn Độ, Pa-kit-xtan, khu vực Đông Nam Á (trong đó có Việt Nam).
- + Lợn : Trung Quốc, Hoa Kỳ, Bra-xin, CHLB Đức, Tây Ban Nha, Việt Nam.
- + Cừu : Trung Quốc, Ô-xtrây-li-a, Ấn Độ, I-ran, Niu Di-lân, Anh.
- Về tổng đàn gia súc : các nước đứng đầu là Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Bra-xin, Mê-hi-cô, LB Nga.

1.3. Ngành nuôi trồng thủy sản

GV có thể nêu lên tiềm năng của ngành nuôi trồng thủy sản. Với diện tích mặt nước rất lớn trên toàn thế giới (biển, sông, hồ...), đây là nguồn cung cấp thực phẩm rất lớn và dồi dào.

2. Phương pháp dạy học

- Đàm thoại gợi mở.
- Thảo luận, hợp tác theo nhóm.
- Khai thác tri thức từ SGK, lược đồ.
- Sơ đồ hoá ở một số kiến thức trọng tâm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Mở bài

Chăn nuôi là một bộ phận quan trọng của nông nghiệp. Ở bài này chúng ta sẽ tìm hiểu xem so với trồng trọt, chăn nuôi có những vai trò, đặc điểm gì khác biệt, bức tranh phân bố và xu hướng phát triển của vật nuôi, của ngành nuôi trồng thủy hải sản ra sao ?

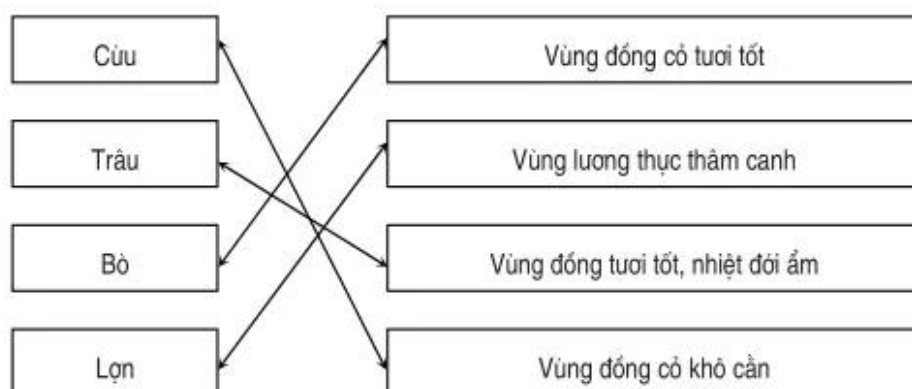
2. Tiến trình bài học

a) Gợi ý dạy mục 1 : Vai trò và đặc điểm của ngành chăn nuôi

– GV đưa ra câu hỏi về vai trò của ngành chăn nuôi đối với đời sống và kinh tế – xã hội, yêu cầu HS cho ví dụ cụ thể. GV tổng kết, có thể bằng cách điền khuyết như : Hãy điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau :

- + Chăn nuôi cung cấp.... có nguồn động vật như thịt, trứng, sữa.
- + Chăn nuôi còn cung cấp nguyên liệu cho các ngành

- + Ở các nước đang phát triển, còn cung cấp..... và
 - + Là mặt hàng..... mang lại nguồn thu ngoại tệ.
 - + Tận dụng phụ phẩm của ngành.....
 - Trình bày đặc điểm của chăn nuôi : GV vẽ sơ đồ cơ sở thức ăn cho chăn nuôi và đặt câu hỏi cho HS trả lời.
 - + Cơ sở thức ăn có vai trò như thế nào đối với sự phát triển chăn nuôi ?
 - + Hãy nêu những nguồn thức ăn chủ yếu cho chăn nuôi ?
- b) Gợi ý dạy mục II : Các ngành chăn nuôi**
- Vẽ khung sơ đồ các ngành chăn nuôi lên bảng.
 - Chia làm 4 nhóm :
 - + Chăn nuôi trâu, bò.
 - + Chăn nuôi lợn.
 - + Chăn nuôi cừu.
 - + Chăn nuôi gia cầm.
 - GV tổng kết dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm ghép tên.



c) Gợi ý dạy mục III : Nuôi trồng thủy sản

GV cho HS nêu vai trò của ngành thủy sản, đọc SGK để thấy được tình hình phát triển của ngành này. Liên hệ với thực tế địa phương (nuôi thủy sản gì, phân bố ở đâu ?).